



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Hoạt động -
Kinh doanh**

Chứng khoán số 116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Bà Cao Thị Thúy Nga Ông Lưu Trung Thái Ông Hoàng Minh Tuấn Ông Trần Hải Hà Bà Đặng Thúy Dung Bà Đoàn Kim Dung Bà Nguyễn Minh Châu Ông Quách Mạnh Hào Ông Phan Phương Anh	Chủ tịch (<i>từ ngày 27 tháng 5 năm 2014</i>) Chủ tịch (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Phó Chủ tịch (<i>từ ngày 27 tháng 5 năm 2014</i>) Thành viên (<i>từ ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên (<i>từ ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên (<i>từ ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>)
Ban kiểm soát	Bà Nguyễn Thanh Bình Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh Bà Nguyễn Kim Chung Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà	Trưởng Ban Thành viên (<i>từ ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>) Thành viên Thành viên (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2014</i>)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Hải Hà Ông Trịnh Khắc Hậu Bà Phùng Thị Thanh Hà	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng M, 3 và 7 Tòa nhà MB Số 3 Liễu Giai Quận Ba Đình Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội,

02-02-2015

KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-088/3



Phạm Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.702.681.445.763	2.146.895.299.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	989.814.534.602	710.568.300.371
1. Tiền	111		989.814.534.602	670.568.300.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	463.228.852.339	106.635.225.499
1. Đầu tư ngắn hạn	121		544.488.367.657	232.512.628.432
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(81.259.515.318)	(125.877.402.933)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.228.143.712.503	1.310.949.270.672
1. Phải thu của khách hàng	131	7	1.401.721.755.608	1.408.956.804.593
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.531.632.620	1.043.653.953
5. Các khoản phải thu khác	138	7	239.598.731.409	299.478.377.084
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(414.708.407.134)	(398.529.564.958)
IV. Hàng tồn kho	140		259.670.876	204.357.004
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.234.675.443	18.538.146.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	4.520.682.362	1.710.374.083
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	17	376.378.781	376.378.781
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.337.614.300	16.451.393.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361.138.952.849	503.191.316.571
II. Tài sản cố định	220		6.445.370.072	9.182.958.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.095.538.791	8.311.624.025
<i>Nguyên giá</i>	222		50.708.579.844	50.313.317.337
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.613.041.053)	(42.001.693.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	349.831.281	841.670.280
<i>Nguyên giá</i>	228		8.150.151.501	8.150.151.501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.800.320.220)	(7.308.481.221)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	29.664.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	268.013.405.181	400.037.164.649
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		278.395.416.849	150.427.500.150
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		278.395.416.849	150.427.500.150
4. Đầu tư dài hạn khác	258		3.000.000.000	288.103.892.499
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.382.011.668)	(38.494.228.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		86.680.177.596	93.971.193.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	83.083.777.051	87.998.583.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.944.040.000	5.607.932.000
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	15	456.433.957	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		195.926.588	244.678.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.063.820.398.612	2.650.086.616.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.759.029.172.153	1.426.556.777.396
I. Nợ ngắn hạn	310		1.758.544.886.710	1.411.302.377.396
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	600.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		2.511.868.335	1.699.921.881
3. Người mua trả tiền trước	313		1.682.002.000	1.302.002.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5.047.380.348	2.764.233.380
5. Phải trả người lao động	315		1.783.695.364	1.484.380.551
6. Chi phí phải trả	316	18	24.952.328.396	15.794.990.292
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	917.136.727.822	1.369.954.693.001
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		194.627.660	961.512.981
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		727.941.688	1.901.724.813
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	20	204.484.271.615	15.426.836.001
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		24.043.482	12.082.496
II. Nợ dài hạn	330		484.285.443	15.254.400.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		484.285.443	15.254.400.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.304.791.226.459	1.223.529.839.135
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.304.791.226.459	1.223.529.839.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.740.863.521	114.351.957
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.750.847.621	114.351.957
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		76.056.715.317	2.058.335.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.063.820.398.612	2.650.086.616.531

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	42.114.970.000	142.291.810.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	57.000.000	57.000.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.295.436.900.000	7.438.811.450.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	7.426.842.410.000	6.785.970.450.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	191.398.410.000	200.852.560.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	7.109.777.920.000	6.491.980.180.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	125.666.080.000	93.137.710.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	178.174.650.000	368.359.210.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	178.174.650.000	368.359.210.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	686.352.090.000	280.940.510.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		13.063.050.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	673.289.040.000	280.940.510.000
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	1.178.110.000	50.600.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.889.640.000	3.490.680.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.889.640.000	3.490.680.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	181.849.920.000	170.394.340.000

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

02 -02- 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
1. Doanh thu	01	21	388.408.724.243	24.982.129.262
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		120.456.316.305	6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		111.363.193.469	5.566.940.279
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		28.480.264.772	751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		6.575.651.716	369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	01.8		3.541.381.503	390.952.444
Doanh thu khác	01.9		117.991.916.478	10.963.624.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(7.880.206)
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		388.408.724.243	24.974.249.056
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	(208.915.331.644)	(22.011.047.732)
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán			(278.645.435.591)	(35.796.290.221)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán			69.730.103.947	13.785.242.489
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		179.493.392.599	2.963.201.324
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(104.080.236.661)	(3.482.774.030)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.413.155.938	(519.572.706)
10. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(19.350.653)	2.806.611.841
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.393.805.285	2.287.039.135
12. Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	24	-	-
13. Chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	24	(2.663.892.000)	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.729.913.285	2.287.039.135
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	25	595	30

Người lập:



Nguyễn Văn Học
 Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
 Tổng Giám đốc

02-02-2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

